TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/DS-ST
Ngày 28/11/2019
Về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Thanh Tùng;
2. Ông Nguyễn Quốc Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Đêm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019; tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2019/TLST-DS ngày 22/5/2019 về *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-DS ngày 04/11/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 20/11/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần K (Viết tắt là Kbank, sau đây gọi là Ngân hàng); địa chỉ: Số nhà 40-42-44 đường P, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Giang Hải T, sinh năm 1988; Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Phòng Giao dịch V (Có mặt); địa chỉ: Số nhà 45D đường N, khóm 1, Phường 1, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

(Giấy ủy quyền số 548/UQ-NHK ngày 10/4/2019 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, về việc đại diện Ngân hàng TMCP K).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1976 (Có mặt) và chị Nguyễn Thúy A, sinh năm 1996 (Vắng mặt); cùng địa chỉ: Số nhà 176 ấp K, xã V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 10/4/2019 (BL 41) và Đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 13/5/2019 (BL 42) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần K và người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là anh Giang Hải T đều trình bày:

Ngày 31/8/2017, Ngân hàng Thương mại Cổ phần K - Chi nhánh Sóc Trăng - Phòng Giao dịch V với bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thúy A đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số *190/17/HĐTD/2101-4932*. Nội dung cơ bản của Hợp đồng gồm: Ngân hàng cho bà S và chị A vay số tiền 115.000.000 đồng; mục đích vay để trồng hoa màu, chăn nuôi; lãi suất 12,60%/ năm; thời hạn vay là 12 tháng; phương thức thanh toán trả lãi mỗi kỳ 06 tháng, trả nợ gốc một lần vào ngày kết thúc thời hạn vay là ngày 31/8/2018. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ngày 25/6/2015, bà S với chị A đã ký Hợp đồng số *046/15/HĐTC-BĐS/2101-4932* với Ngân hàng*;* theo Hợp đồng này, phía bị đơn thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất theo 02 Giấy chứng nhận gồm các số vào sổ: 81913005103 và 81913005104 cùng cấp ngày 16/7/2007, đều có xác nhận biến động vào ngày 12/6/2015 do bà S được hưởng thừa kế.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân và bà S cùng chị A đã nhận đủ số tiền 115.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền vay thì bà S với chị A vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 28/11/2019 (Ngày xét xử sơ thẩm), các bị đơn còn nợ Ngân hàng tiền vốn là 115.000.000 đồng và lãi trong hạn là 14.731.500 đồng, lãi quá hạn là 27.349.875 đồng, lãi phạt chậm trả là 4.006.928 đồng; tổng cộng tiền vốn và lãi đến ngày 28/11/2019 là 161.088.303 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu không trăm tám mươi tám ngàn ba trăm linh ba đồng). Nay, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thúy A phải thanh toán ngay số tiền trên và tiếp tục trả lãi suất theo Hợp đồng từ ngày 29/11/2019 đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp, bà S và chị A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp là bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng; Quyết định về việc ủy quyền thực hiện khởi kiện và thi hành án của Ngân hàng; Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh; Hợp đồng lao động và Giấy chứng minh nhân dân của người được ủy quyền; Hợp đồng tín dụng số *190/17/HĐTD/2101-4932;* Hợp đồng thế chấp số *046/15/HĐTC-BĐS/2101-4932;* các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp của các bị đơn.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/6/2019 (BL 101) cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà S thừa nhận ký Hợp đồng tín dụng số *190/17/HĐTD/2101-4932*, Hợp đồng thế chấp số *046/15/HĐTC-BĐS/2101-4932* để vay 115.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện. Bị đơn cũng thống nhất với ý kiến của nguyên đơn đã trình bày về thời hạn vay, hình thức thanh toán; lãi suất trong hạn, quá hạn; biện pháp bảo đảm tiền vay; số tiền chưa thanh toán, việc đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ và thừa nhận tài liệu, chứng cứ phía nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Bà S thống nhất số tiền vốn, lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng đã tính toán, thừa nhận tổng số tiền nợ tính đến ngày 28/11/2019 là 161.088.303 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu không trăm tám mươi tám ngàn ba trăm linh ba đồng). Toàn bộ số tiền nợ nêu trên, bà S vay và sử dụng cùng với con gái của bà S là chị Nguyễn Thúy A vào mục đích chăn nuôi, phát triển kinh tế gia đình nhưng bị thua lỗ. Bà S khẳng định đã có lỗi trong việc để phát sinh nợ quá hạn, do hoàn cảnh khó khăn nên bà S đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho thời gian thu xếp trả nợ.

Trường hợp Ngân hàng yêu cầu thanh toán ngay một lần, bà S không có khả năng trả nợ nên đồng ý để Ngân hàng yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng đã ký; tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã thiết lập là tài sản riêng của bà S, không có ai khác liên quan đến các tài sản này.

Ngoài các ý kiến trình bày nêu trên, bà S không có yêu cầu gì khác và chỉ giao nộp tài liệu, chứng cứ là bản sao Trích lục khai tử của chồng bà S là ông Nguyễn Thanh G (BL 112).

- Đối với bị đơn Nguyễn Thúy A:

Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo đã thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nhưng chị A không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng của mình. Chị A còn vắng mặt không có lý do trong các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp nêu trên cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ cho chị A và đưa vụ án ra xét xử.

Phiên tòa ngày 20/11/2019, bị đơn A vẫn vắng mặt và không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa, tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được gồm các biên bản ghi lời khai của đương sự (BL 83, 101); biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp (BL 135).

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc bà S và chị A thanh toán số tiền vốn và lãi theo Hợp đồng đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp bà S, chị A không thực hiện trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, phía bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng.

Ngân hàng yêu cầu bà S, chị A thanh toán tiền vốn vay và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng; các bị đơn vay tiền nhằm sử dụng trồng hoa màu, chăn nuôi nên đây là giao dịch về dân sự, thuộc trường hợp hợp đồng vay tài sản quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Thúy A được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Các đương sự có mặt, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt chị A.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ bản sao Hợp đồng tín dụng (BL 51), các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 60, 61), Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp (BL 63), Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (BL 59), các thông báo về việc thanh toán nợ (BL 65-67) và Bảng kê tính lãi tiền vay (Tạm tính) cũng như những lời thừa nhận và không phản đối của các bị đơn; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; có cơ sở kết luận vào ngày 31/8/2017, bà S và chị A đã giao kết Hợp đồng với Ngân hàng Kbank để vay 115.000.000 đồng; các bên còn ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do bà S đứng tên với Ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay trên của các bị đơn.

- Căn cứ Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ (BL 135); quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất được các đương sự thế chấp cho Ngân hàng, có đặc điểm như sau:

+ Về quyền sử dụng đất: Gồm 02 thửa là thửa 23 và thửa 24, tờ bản đồ số 08; cùng tọa lạc tại ấp K, xã V, thị xã V; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà Nguyễn Thị S được xác nhận hưởng thừa kế. Trong đó, thửa 23 nằm trọn vẹn trong thửa 24, thửa 23 là loại đất ở nông thôn, thửa 24 là loại đất trồng cây lâu năm khác.

+ Về tài sản trên đất gồm có: 01 căn nhà ở tường gạch, mái ngói, nền gạch tàu; 01 căn nhà phụ vách tôn, mái tôn, nền gạch men; 01 nhà kho vách lá, mái lá, nền đất; cả 03 căn nhà trên đều thuộc thửa đất 23. Trên thửa đất 24 tồn tại 01 ao nuôi tôm, 01 ao lắng; 01 căn nhà mồ có 03 ngôi mộ của cha, mẹ và chồng bà S; 01 cây giếng khoan nhưng không sử dụng, không có đường ống dẫn nước; cây trồng trên đất có 20 cây dừa loại A, 03 cây dừa loại B, 09 cây dừa loại C.

Toàn bộ quyền sử dụng 02 thửa đất và tài sản trên các thửa đất thế chấp đều do bà S và con gái là Nguyễn Thúy A, con trai là Nguyễn Trọng P (Chưa thành niên) trực tiếp quản lý sử dụng, không liên quan đến người nào khác, không được bảo hiểm rủi ro, không bảo đảm thực hiện nghĩa vụ tài sản nào khác ngoài Ngân hàng.

Xét Hợp đồng tín dụng số 190/17/HĐTD/2101-4932, thì thấy:

Theo Điều 89 Điều lệ của Ngân hàng (BL 08) có nội dung quy định các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc Kbank, thực hiện hoạt động kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Kbank là phù hợp với Điều 49 của Luật Các tổ chức tín dụng; về phía bị đơn là bà S, chị A đều không thuộc trường hợp quy định tại các điều 22, 23 và 24 của Bộ luật dân sự nên Giám đốc Ngân hàng Kbank - Phòng Giao dịch V ký kết Hợp đồng trên với phía bị đơn là đảm bảo điều kiện chủ thể quy định tại Điều 16, Điều 19 và Điều 86 của Bộ luật dân sự; các đương sự đều thừa nhận đã giao kết Hợp đồng và không có ý kiến về việc bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép nên Hợp đồng đã ký là hoàn toàn tự nguyện; mục đích sử dụng tiền vay nhằm phục vụ trồng hoa màu, chăn nuôi là không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại Khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng; Hợp đồng còn có chứa đựng đầy đủ các điều khoản cơ bản về số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, phương thức trả nợ, phương thức tính lãi, bảo đảm tiền vay cũng như quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Điều 117 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, giữa nguyên đơn và phía bị đơn đang tồn tại quan hệ hợp đồng vay tài sản hợp pháp, bắt buộc các bên phải thi hành.

Tính đến ngày 28/11/2019, bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thúy A chưa trả tiền vốn, tiền lãi cũng không thanh toán đủ nên còn nợ Ngân hàng toàn bộ tiền vốn và 42.081.375 đồng tiền lãi là đã vi phạm Điều 3 của Hợp đồng tín dụng.

Do đó, phía bị đơn đã có lỗi, Ngân hàng yêu cầu thanh toán nên bà S và chị A phải trả nợ theo Điều 4 của Hợp đồng tín dụng. Bà S cũng thống nhất về số tiền vốn và lãi tính đến ngày 28/11/2019, đề nghị được trả chậm nhưng Ngân hàng không đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc bà S cùng với chị A thanh toán 161.088.303 đồng và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay là phù hợp quy định tại Điều 2 của Hợp đồng tín dụng.

Xét Hợp đồng thế chấp số 046/15/HĐTC-BĐS/2101-4932, thì thấy:

Tương tự như việc ký Hợp đồng tín dụng số *190/17/HĐTD/2101-4932*, các bên tham gia có đủ điều kiện về chủ thể, hoàn toàn tự nguyện, mục đích không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội; Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm, không có đương sự nào khiếu nại.

Do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng. Như vậy, trường hợp bà S và chị A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ là thực hiện đúng Hợp đồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng.

Theo Phiếu chi của Tòa án (BL 141) thì chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 750.000 đồng, phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng và thanh toán. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn S và A phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ theo quy định tại Khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên bà S và chị A có nghĩa vụ hoàn trả Ngân hàng số tiền 750.000 đồng, quy định tại Khoản 1 Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thúy A phải chịu theo Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cụ thể là 161.088.303 đồng x 5% = 8.054.415 đồng.

[5] Về quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 1 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 320, Điều 463, Khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần K đối với bị đơn Nguyễn Thị S và Nguyễn Thúy A, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

Buộc bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thúy A có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần K số tiền vốn và lãi chưa thanh toán là 161.088.303 đồng (Một trăm sáu mươi mốt triệu không trăm tám mươi tám ngàn ba trăm linh ba đồng), tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số *190/17/HĐTD/2101-4932* ngày 31/8/2017, kể từ ngày 29/11/2019 cho đến khi trả hết nợ vay.

Trường hợp Ngân hàng điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật, lãi suất mà bên vay (Bà S với chị A) phải trả cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Nếu bà S, chị A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số *046/15/HĐTC-BĐS/2101-4932* ngày 25/6/2015 để thu hồi nợ.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thúy A phải liên đới chịu, số tiền mà bà S với chị A phải nộp là 8.054.415 đồng (Tám triệu không trăm năm mươi bốn ngàn bốn trăm mười lăm đồng).

Ngân hàng Kbank không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.625.843 đồng, theo Biên lai thu số 0007947 ngày 22/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu.

3. Về chi phí tố tụng:

Bà Nguyễn Thị S và chị Nguyễn Thúy A có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng Kbank 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

4. Ngân hàng và bà S có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; riêng chị A có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG